

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ Quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai;*

*Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được cơ quan quản lý hồ sơ cung cấp dịch vụ.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **Điều 2. Đối tượng miễn phí**

1. Người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có nhu cầu cung cấp thông tin đất đai để thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

### **Điều 3. Mức thu phí**

1. Mức thu phí đối với cung cấp hồ sơ trực tiếp được quy định như sau:

| STT | Loại tài liệu                                                                                                 | Đơn vị tính                            | Mức thu (đồng) | Ghi chú                                                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thông tin thửa đất (đầy đủ thông tin về người sử dụng hoặc quản lý hoặc sở hữu tài sản gắn liền với đất)      | Thửa                                   | 45.000         |                                                                                                      |
| 2   | Thông tin thửa đất không bao gồm thông tin về người sử dụng hoặc quản lý hoặc sở hữu tài sản gắn liền với đất | Thửa                                   | 35.000         |                                                                                                      |
| 3   | Bản đồ địa chính                                                                                              | Mảnh tỷ lệ 1: 500                      | 100.000        | Mức thu tính cho mảnh bản đồ dạng ảnh Raster (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG)             |
|     |                                                                                                               | Mảnh tỷ lệ 1: 1000                     | 125.000        |                                                                                                      |
|     |                                                                                                               | Mảnh tỷ lệ 1: 2000                     | 250.000        |                                                                                                      |
|     |                                                                                                               | Mảnh tỷ lệ 1: 5000                     | 375.000        |                                                                                                      |
|     |                                                                                                               | Mảnh tỷ lệ 1: 10000                    | 500.000        |                                                                                                      |
| 4   | Bản sao, trích sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất                   | Giấy chứng nhận scan (quét) hoặc photo | 32.800         |                                                                                                      |
| 5   | Hồ sơ tài liệu đất đai                                                                                        | Trang tài liệu scan (quét) hoặc photo  | 8.200          | Mức thu áp dụng cho 05 trang tài liệu đầu tiên. Từ trang thứ 06 trở đi thì mức thu là 900 đồng/trang |

Mức thu phí quy định tại Điều này chưa bao gồm chi phí vật tư (in kết

quả, sao chép dữ liệu), chuyển kết quả của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho người nộp phí.

2. Mức thu phí đối với các hồ sơ thực hiện thông qua dịch vụ công trực tuyến bằng 0 đồng.

#### **Điều 4. Kế khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

1. Người nộp phí thực hiện kê khai, nộp phí theo từng lần phát sinh. Người nộp phí thực hiện nộp phí bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp phí theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng;

b) Nộp phí vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước;

c) Nộp phí bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, quyết toán số tiền phí thu được theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách tại Kho bạc Nhà nước.

3. Tỷ lệ để lại và trích nộp ngân sách

a) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: Trích để lại 70% trên tổng số tiền phí thu được và nộp ngân sách nhà nước 30% trên tổng số tiền phí thu được.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã: Nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 10 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết và nội dung sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Nội dung tại Mục VIII Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 10 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd(dtlg).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Tuy**